

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-PT
Ngày 09 - 01 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2018/HNGĐ - ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Nguyễn Thúy D, sinh năm 1980 (có mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 40, đường P, Khóm B, Phường D, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Số 95, đường P, Khóm C, Phường D, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Số 40, đường P, Khóm B, Phường D, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1950; địa chỉ cư trú: Số 1, đường T, Khóm E, Phường K, thành phố CM, tỉnh CM.

2. NLQ2, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Mai Nguyễn Thúy D trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phan Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn PL, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29 tháng 5 năm 2006. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm và do ông T không có trách nhiệm với vợ con. Từ khi phát sinh mâu thuẫn thì vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, không nói chuyện với nhau. Từ ngày 03 tháng 8 năm 2018 cho đến nay bà đã ra sống riêng. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông T có 01 con chung là cháu Phan Nhật K, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2008, hiện cháu K ở với bà vào ngày thứ hai, thứ sáu, thứ bảy, ở với ông T từ thứ ba đến thứ năm và chủ nhật hàng tuần. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà diện tích 53m² tọa lạc tại số 40, đường P, Khóm B, Phường D, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu; 01 xe mô tô nhãn hiệu Nouvo 5, màu tím, biển kiểm soát 94E1-102.69 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu xanh, biển kiểm soát 94K1-486.47. Tuy nhiên, ngày 21 tháng 8 năm 2018 bà rút lại yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Bà xác định vợ chồng bà có nợ của NLQ1 số tiền 15.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24k, nợ NLQ2 số tiền 20.000.000 đồng. Bà yêu cầu được trả toàn bộ khoản nợ trên. Trong quá trình giải quyết vụ án bà rút lại toàn bộ yêu cầu trên do đã tự thỏa thuận được với NLQ1 và NLQ2.

Bị đơn ông Phan Văn T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Mai Nguyễn Thúy D trình bày về thời gian kết hôn, chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do kinh tế gia đình ảnh hưởng đến lòng tự trọng của cả hai nên dẫn đến vợ chồng không nói chuyện trong thời gian dài dù sống chung nhà. Ông không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ, nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 trình bày: Vào tháng 01 năm 2015 bà có cho bà D, ông T mượn số tiền 15.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24k, bà yêu cầu bà D, ông T có trách nhiệm trả lại cho bà. Ngày 27 tháng 8 năm 2018 bà yêu cầu rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 trình bày: Năm 2015 bà có cho bà D, ông T mượn số tiền 20.000.000 đồng, bà yêu cầu bà D, ông T có trách

nhệm trả lại cho bà. Ngày 21 tháng 8 năm 2018 bà rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập trên.

Từ nội dung trên, tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52/2018/HNGĐ - ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Cho bà Mai Nguyễn Thúy D ly hôn với ông Phan Văn T.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Nhật K, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2008 cho bà Mai Nguyễn Thúy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Phan Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở (con chung đang sống cùng ông T, bà D).
4. Về chia tài sản: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về chia tài sản chung của bà Mai Nguyễn Thúy D và ông Phan Văn T. Về tài sản chung do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của NLQ1 và NLQ2. Về nợ chung do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, Luật Thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 bị đơn ông Phan Văn T kháng cáo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của bà Mai Nguyễn Thúy D về việc xin ly hôn và nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn T, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2018/HNGĐ - ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về hôn nhân: Bà Mai Nguyễn Thúy D và ông Phan Văn T xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29 tháng 5 năm 2006 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu

được ly hôn với ông T. Phía ông T xác định còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Bà D và ông T thừa nhận cuộc sống vợ chồng của ông bà không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau thể hiện qua việc khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 01 năm 2017 thì cả hai không nói chuyện, không quan tâm về cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn trầm trọng hơn khi cả hai không còn sống chung được với nhau nên bà D mới ra ở riêng từ ngày 03 tháng 8 năm 2018 đến nay. Ông T xác định còn thương vợ muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không có bất kỳ động thái gì để chứng minh thiện chí muốn hàn gắn với bà D. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T xác định ông kháng cáo vì muốn vợ ông biết là ông còn thương vợ, thương con nhưng vợ ông cương quyết xin ly hôn thì cũng không hàn gắn được, ông chỉ mong vợ ông tạo điều kiện cho thăm con. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy rằng khả năng đoàn tụ của bà D và ông T là không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cấp sơ thẩm giải quyết cho bà D được ly hôn với ông T là có cơ sở. Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T mà cần giữ nguyên án sơ thẩm phần này.

[5] Trong thời gian chung sống giữa bà D và ông T có 01 con chung là cháu Phan Nhật K sinh ngày 24 tháng 5 năm 2008, hiện cháu K đang sống cùng bà D. Bà D và ông T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Xét thấy: Cha mẹ đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Cả bà D và ông T đều là giáo viên, có thu nhập ổn định nên cả hai đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu K. Tuy nhiên, cháu K đã trên 07 tuổi nên theo quy định pháp luật phải xem xét đến nguyện vọng của cháu muốn được sống cùng ai. Tại bản tự khai của cháu K ngày 27 tháng 8 năm 2018 (bút lục 118) thể hiện cháu K muốn sống cùng bà D. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu K cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông T và giữ nguyên án sơ thẩm.

[6] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn T, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2018/HNGĐ - ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Các phần khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2018/HNGĐ - ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm ông Phan Văn T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 157, 165, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn T, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2018/HNGĐ - ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Mai Nguyễn Thúy D. Xử cho bà Mai Nguyễn Thúy D ly hôn với ông Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Nhật K sinh ngày 24 tháng 5 năm 2008 cho bà Mai Nguyễn Thúy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Phan Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Bà Mai Nguyễn Thúy D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Mai Nguyễn Thúy D. Về tài sản chung do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu độc lập của NLQ1 và NLQ2. Về nợ chung do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 600.000 đồng bà Mai Nguyễn Thúy D phải chịu, bà Mai Nguyễn Thúy D đã nộp xong.

7. Về án phí:

7.1. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Bà Mai Nguyễn Thúy D phải chịu 300.000 đồng. Bà Mai Nguyễn Thúy D đã nộp tiền tạm ứng án phí 1.300.000 đồng theo biên lai thu số 0007978 ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng, bà Mai Nguyễn Thúy D được nhận lại 1.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

- NLQ1 đã dự nộp tạm ứng án phí 1.275.000 đồng theo biên lai thu số 0008037 ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu được nhận lại toàn bộ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

- NLQ2 đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008128 ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu được nhận lại toàn bộ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

7.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn T phải chịu, ông Phan Văn T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000124 ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố BL;
- CCTHADS thành phố BL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Cao Thị Túy Giang